

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **225/2024/DS-PT**

Ngày: 23 – 7 – 2024

V/v: Tranh chấp về yêu cầu mở lối  
đi qua bất động sản liền kề

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Triết

*Các Thẩm phán:* Bà Đinh Thị Tuyết, bà Nguyễn Thị Thu Trang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Minh Chi – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Xuân Linh Byã – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2024/TLPT-DS ngày 13/6/2024 về việc “*Tranh chấp về yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13a/2023/DS-ST ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2024/QĐPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị X, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn 1B, xã C1, huyện C2, tỉnh Đắk Lắk; (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Văn L – Công ty luật TNHH MTV T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Số 20 T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1962 (có mặt) và bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1964 (có mặt); Cùng địa chỉ: Thôn 1B, xã C1, huyện C2, tỉnh Đắk Lắk.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Vũ Trọng T – Văn phòng luật T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Số 81/6 G, tổ dân phố S, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

**- Người làm chứng:**

+ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện C2, tỉnh Đắk Lắk; (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Văn T2; Địa chỉ: Thôn 1A, xã C1, huyện C2, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

\* **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Nguyễn Văn N1, bà Nguyễn Thị N2.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### ***Nguyên đơn bà Lê Thị X trình bày:***

Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 10, diện tích 3940 m<sup>2</sup> tại thôn 1C, xã C1, huyện C2 trước đây là của ông Nguyễn Văn T2, sau đó chuyển nhượng cho Nguyễn Văn T1. Đến năm 2013, bà X nhận chuyển nhượng lại của ông T1, khi nhận chuyển nhượng thì thấy ông T1 vẫn đi lại trên con đường đất rộng 3m, dài 37,9m để vận chuyển vật tư và chăm sóc cà phê trên thửa đất. Sau khi chuyển nhượng, gia đình bà X vẫn tiếp tục sử dụng con đường cho đến tháng 4/2023 thì gia đình ông N1, bà N2 đã trồng cà phê trên đó và không cho gia đình bà X đi trên con đường này để vào thửa đất canh tác nữa. Ông N1, bà N2 cho rằng con đường này nằm trong thửa đất 635 do ông N1 quản lý và sử dụng, con đường là do gia đình ông N1 tự mở để đi lại và trước đây ông T1 đi nhờ trên con đường này. Tuy nhiên, bà X được biết trước đây ông T1 đã đổi cho gia đình ông N1 01 hàng cà phê để lấy con đường đi lại nên diện tích đất làm đường này là do ông T1 đổi đất với ông N1 mà có. Nay ông N1 không cho đi nhờ thì bà X không có con đường nào khác để đi vào chăm sóc vườn cây nên bà X đã khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông N1 và bà N2 nhổ cây cà phê đã trồng và dành cho gia đình bà X một lối đi như hiện trạng con đường trước đây để đi lại.

#### ***Bị đơn ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị N2 thống nhất trình bày:***

Thửa đất số 635, tờ bản đồ số 10 diện tích 1163 m<sup>2</sup> là do gia đình ông N1 khai hoang vào năm 1992, đến năm 1994 thì gia đình có trồng cà phê. Khoảng năm 1996, thì gia đình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Đối với con đường mà bà X đang tranh chấp là do gia đình ông N1 tự mở để vận chuyển vật tư và chăm sóc vườn cây từ năm 1994. Khi gia đình ông T2 canh tác trên thửa đất số 136, tờ bản đồ số 10, diện tích 3940 m<sup>2</sup> thì không đi lại trên con đường này mà đi tắt qua thửa đất số 299 của em gái ông T2. Đến thời gian ông T1 chăm sóc vườn cây thì có đi nhờ trên con đường này của gia đình tôi. Đến năm 2013, bà X nhận chuyển nhượng lại của ông T1 cũng đi nhờ trên con đường này. Đến tháng 4 năm 2023, gia đình ông N1 không sử dụng con đường này nữa, nên đã trồng thêm cây cà phê, sầu riêng để mở rộng diện tích đất. Tại phiên toà, ông N1 bổ sung ý kiến Toà án cấp sơ thẩm chưa đưa các con của ông tham gia tố tụng và chưa ghi nhận đúng số cây ông

trồng trên đất và bỏ sót tài sản là lưới B40 ông rào trên con đường đi. Do vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà X và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của ông.

***Người làm chứng ông Nguyễn Văn T1 trình bày:***

Ông không có mối quan hệ thân thiết gì với nguyên đơn và bị đơn. Trước đây, ông T1 có mua của ông Nguyễn Văn T2 thửa đất số 136, tờ bản đồ số 10, diện tích 3.940m<sup>2</sup> tại thôn 1C, xã C1, huyện C2. Khi nhận chuyển nhượng đất thì ông T1 đã thấy ông N1, bà N2 có mở một lối đi nhỏ trên thửa đất số 635, tờ bản đồ số 10 của gia đình ông N1 để phục vụ canh tác. Do ông T1 không nói gì đến lối đi vào thửa đất số 136 và ông T1 đã thấy có sẵn lối đi nên đã xin phép gia đình ông N1 cho ông T1 cùng sử dụng lối đi trên.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13a/2023/DS-ST ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 254 Bộ luật dân sự; Điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X

- Buộc ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị N2 phải chừa (dành) diện tích 113,7m<sup>2</sup> trong thửa đất số 635, tờ bản đồ số 10 xã C1 làm đường đi cho gia đình bà Lê Thị X có tứ cận như sau:

Cạnh phía Bắc giáp thửa đất ông N1 cạnh dài 3 mét;

Cạnh phía Nam giáp đường nội thôn cạnh dài 3 mét ;

Cạnh phía Tây giáp đất ông Phan Văn T3 cạnh dài 37,9 mét;

Cạnh phía Đông giáp đất ông N1 cạnh dài 37,9 mét;

- Buộc ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị N2 phải nhổ các cây trồng trên đất đường đi gồm 11 cây cà phê trồng mới năm 2023.

- Buộc bà Lê Thị X phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị N2 số tiền 17.743.000 đồng (trong đó tiền sử dụng đất là 17.055.000 đồng và tiền cây cà phê là 688.500 đồng) .

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/5/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị N2 kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị X.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Vũ Trọng T trình bày:***

Ngoài thửa đất của ông N1 thì đất của bà X còn giáp thửa đất của ông Phan Văn T3 và lối đi qua nhà ông N1 cũng chưa phải là lối đi thuận lợi nhất. Người làm chứng ông Nguyễn Văn T1 cũng thừa nhận không có con đường đi qua thửa đất của ông N1, dẫn từ đường lộ vào thửa đất bà X. Ngoài ra, thửa đất của ông N1 được nhà nước cấp cho hộ gia đình nhưng Toà án cấp sơ thẩm không đưa những người con của ông N1, bà N2 tham gia tố tụng là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các người con. Trong đó, ông N1, bà N2 còn có 02 người con hiện đang sinh sống ở nước ngoài nhưng Toà án cấp sơ thẩm cũng chưa thực hiện uỷ thác tư pháp. Do vậy, đề nghị HĐXX huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết mới là đúng thẩm quyền.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Nguyễn Văn L trình bày:***

Lối đi mà các bên đang tranh chấp là con đường có sẵn từ xưa đến nay, còn thực tế chưa có lối đi nào được trên đất của ông Phan Văn T3 mà dẫn vào thửa đất của bà X. Bị đơn cho rằng Toà án cấp sơ thẩm không ghi nhận đúng số cây trồng trên diện tích đất tranh chấp là không đúng vì 11 cây cà phê và 02 cây sầu riêng lúc đó chỉ mới được trồng ở ngoài biên lối đi và khi đó cũng không có lưới B40 nào. Do đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N1,

bà Nguyễn Thị N2, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13a/2024/DS-ST ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N1, bà Nguyễn Thị N2 được nộp trong thời hạn luật định nên hợp lệ. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị X không rút đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị N2 không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

**[2] Về quan hệ tranh chấp:** Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị X và nội dung vụ án thể hiện bà X yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn N1, bà Nguyễn Thị N2 dành cho bà Xuân một lối đi trên phần đất của bị đơn để bà X đi lại từ thửa đất mình đang quản lý sử dụng ra đường đi công cộng. Như vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp về yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề*” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là “*Tranh chấp đường đi*” là chưa đúng với quan hệ pháp luật được giải quyết, nhưng nếu huỷ bản án thì Tòa án cấp sơ thẩm cũng không thể giải quyết khác được nên đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm lưu ý rút kinh nghiệm.

**[3] Xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị N2, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:**

**[3.1]** Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/01/2024 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 368147 (BL số 10,11,12) thể hiện thửa đất số 136 do bà Lê Thị X đang quản lý, sử dụng là thửa đất bị vây bọc bởi các thửa đất của các chủ sở hữu khác mà không có lối đi ra đường công cộng (đường đất nội thôn). Do đó, bà X có quyền yêu cầu các chủ sở hữu bất động sản liền kề là hộ ông Phan Văn T3 và hộ ông Nguyễn Văn N1 dành cho bà X một lối đi hợp lý trên diện tích đất của ông T3 hoặc của ông N1.

**[3.2]** Xét thấy, lối đi là do hộ ông N1 tạo lập và thuộc thửa đất số 635, tờ bản đồ số 10 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất cho hộ ông N1. Tuy nhiên, trước khi bà X nhận chuyển nhượng thửa đất số 136 thì ông Nguyễn Văn T1 (chủ sở hữu cũ đang sang nhượng cho bà X) đã sử dụng lối đi trên và hiện nay gia đình bà X cũng không còn con đường đi nào khác để ra vào đường nội thôn nhằm vận chuyển vật tư, phân bón và cây trồng. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X và buộc bà X thanh toán cho gia đình ông N1 giá trị của lối đi theo Biên bản định giá ngày 04/01/2024 là có cơ sở. Cụ thể, buộc bà X phải thanh toán cho ông N1, bà N2 số tiền 17.743.000 đồng (trong đó tiền đất 17.055.000 đồng; tiền 11 cây cà phê trồng năm 2023 có 08 cây loại A giá 69.000 đồng/cây; 01 cây loại B giá 55.500 đồng/cây và 02 cây loại C giá 38.900 đồng/cây, thành tiền: 688.500 đồng).

**[3.3]** Đối với nội dung bị đơn kháng cáo cho rằng ông bà thuộc trường hợp được miễn án phí thì thấy:

Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên xử ông N1, bà N2 là người già nên được miễn án phí, là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, căn cứ khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị X được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn N1, bà N2 vẫn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

**[3.4]** Ngày 05/7/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn N1 có đơn đề nghị xem xét thẩm quyền giải quyết vụ án do Toà án cấp sơ thẩm không đưa các con của ông vào tham gia tố tụng (trong đó có 02 người con hiện nay đang sinh sống ở nước ngoài). Sau khi xem xét đơn đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông N1 và bà N2 trình bày thửa đất số 635, tờ bản đồ số 10, địa chỉ tại thôn 1C, xã C1, huyện C2 do gia đình ông khai hoang từ năm 1992, sau đó được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/7/1998.

Tuy nhiên, những người con của ông N1, bà N2 gồm có anh Nguyễn Văn P sinh năm 1989, chị Nguyễn Thị Y sinh năm 1991, anh Nguyễn Văn N3 sinh năm 1993, anh Nguyễn Văn T4 sinh năm 1995, chị Nguyễn Thị H sinh năm 1997 và anh Nguyễn Văn S sinh năm 1999.

Như vậy, tại thời điểm ông N1, bà N2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì người con lớn nhất của ông bà là anh Nguyễn Văn P chỉ mới 9 tuổi và những người con còn lại đều còn quá nhỏ, thậm chí là chưa được sinh ra nên quan điểm của ông N1 và Luật sư về việc đề nghị đưa các con tham gia tố tụng do có công sức đóng góp đối với quyền sử dụng thửa đất số 635, tờ bản đồ số 10 là không phù hợp.

Từ những phân tích và nhận định như trên, do kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N1, bà Nguyễn Thị N2 là không có cơ sở chấp nhận.

**[4]** Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị N2 phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.000.000 đồng. Bà Lê Thị X được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng khi thu được của ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị N2.

**[5]** Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị N2 là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Nguyễn Thị X được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0017802 ngày 12/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C2, tỉnh Đắk Lắk.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N1, bà Nguyễn Thị N2.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13a/2024/DS-ST ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

**Tuyên xử:**

- Áp dụng Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[1]** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị X.

**[1.1]** Buộc ông Nguyễn Văn N1, bà Nguyễn Thị N2 phải dành cho bà Lê Thị X diện tích đất 113,7m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 635, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã C1, huyện C2 (được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 368256 ngày 18/7/1998 cho hộ ông Nguyễn Văn N1), có tứ cận như sau:

- Cận phía Bắc giáp thửa đất ông N1 cận dài 3 mét;
- Cận phía Nam giáp đường nội thôn cận dài 3 mét;
- Cận phía Tây giáp đất ông Phan Văn T3 cận dài 37,9 mét;
- Cận phía Đông giáp đất ông N1 cận dài 37,9 mét.

**[1.2]** Buộc ông Nguyễn Văn N1, bà Nguyễn Thị N2 phải nhổ, di dời 11 cây cà phê trồng mới năm 2023 trên diện tích đất 113,7m<sup>2</sup> có đặc điểm như trên.

**[1.3]** Buộc bà Lê Thị X thanh toán cho ông Nguyễn Văn N1, bà Nguyễn Thị N2 số tiền 17.743.000 đồng (*mười bảy triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng*) tương ứng với giá trị 113,7m<sup>2</sup> đất và cây trồng trên đất theo kết quả định giá tài sản ngày 04/01/2024.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

**[2]** Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị N2 phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Bà Lê Thị X được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) khi thu được của ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị N2.

**[3]** Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị N2 là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

- Bà Nguyễn Thị X được nhận lại số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0017802 ngày 12/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C2, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc*



*bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C2;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Đình Triết**